

BÁO CÁO
Việc thực hiện các mục tiêu quốc gia
về bình đẳng giới năm 2009

Kính gửi: Quốc hội.

Luật Bình đẳng giới có hiệu thi hành được hơn 2 năm, thời gian chưa nhiều để triển khai thực hiện những quy định của Luật, mặt khác, nhận thức về vấn đề bình đẳng giới còn nhiều hạn chế song việc thực hiện các quy định pháp luật về bình đẳng giới được triển khai bước đầu khá đồng bộ ở hầu hết các ngành, các cấp, tạo ra được tiền đề tích cực cho các năm tiếp theo.

Thực hiện Điều 25 Luật Bình đẳng giới, Chính phủ báo cáo Quốc hội về việc thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2009 với những nội dung cụ thể như sau:

Phần 1

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU QUỐC GIA
VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI NĂM 2009

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN LUẬT BÌNH ĐẲNG GIỚI

1. Công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật về bình đẳng giới

So với năm 2008, trong năm 2009, việc ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bình đẳng giới đã hoàn thành theo quy định tại Chỉ thị số 10/2007/CT-TTg ngày 03 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thi hành Luật Bình đẳng giới. Cho tới thời điểm này, Chính phủ đã ban hành 03 Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Bình đẳng giới là: Nghị định số 70/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2008 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bình đẳng giới, Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2009 quy định về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới và Nghị định số 55/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2009 quy định xử phạt vi phạm hành chính về bình đẳng giới. Đồng thời, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình và Nghị định số 110/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2009 quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình.

Ngày 01 tháng 12 năm 2009, Chính phủ đã ban hành Chương trình hành động của Chính phủ giai đoạn đến năm 2020 thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27 tháng 4 năm 2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (kèm theo Nghị quyết số 57/NQ-CP). Chương trình hành động đã quy định những nhiệm vụ chủ yếu của các cơ quan ở Trung ương và địa phương trong việc thực hiện Nghị quyết trên.

Thực hiện Điều 20 của Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ quy định các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 191/2009/TT-BTC ngày 01 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí hoạt động bình đẳng giới và hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ. Việc ban hành Thông tư đã đáp ứng kịp thời yêu cầu của Luật Bình đẳng giới trong việc bảo đảm nguồn lực tài chính cho hoạt động bình đẳng giới.

Nhằm từng bước kiện toàn về hoạt động, tổ chức của các Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ các cấp, tạo sự đồng bộ, thống nhất trong toàn quốc về tổ chức bộ máy vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1855/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2009 về việc thành lập, kiện toàn Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ ở Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện; ngày 03 tháng 12 năm 2009, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã có văn bản số 4598/LĐTBXH-BĐG về việc triển khai thực hiện Quyết định số 1855/QĐ-TTg nêu trên.

Trong năm vừa qua, nhiều Bộ ngành, địa phương đã và đang tiếp tục xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai Luật Bình đẳng giới và Nghị quyết 11-NQ/TW như Bộ Công an, Bộ Xây dựng và các tỉnh Hà Nam, Bình Định, Đà Nẵng, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Quảng Nam, Đắk Lắk, Bà Rịa - Vũng Tàu, Thái Nguyên, An Giang...

2. Việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng chính sách, pháp luật, chương trình, kế hoạch và dự án phát triển kinh tế - xã hội

Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới được coi là phương pháp tiếp cận hiệu quả nhất để đạt được bình đẳng giới. Việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong quá trình xây dựng pháp luật, chính sách, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội là rất quan trọng, tạo tiền đề pháp lý để thực thi bình đẳng giới trên thực tế. Trong giai đoạn hiện nay, do sự hạn chế về kiến thức giới, kỹ năng lồng ghép giới của cán bộ làm công tác tham mưu hoạch định chính sách dẫn đến việc triển khai trên thực tế còn nhiều khó khăn, lúng túng và chưa đạt hiệu quả như mong muốn. Tuy nhiên, với những nỗ lực ban đầu, việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng chính sách, pháp luật, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã được triển khai và đạt một số kết quả sau:

Tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XII, Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua Luật Cán bộ, công chức. Theo quy định tại Điều 5 của Luật, một trong năm nguyên tắc quản lý cán bộ, công chức đó là thực hiện bình đẳng giới. Ngoài ra, Điều 18 của Luật quy định về những việc cán bộ, công chức không được làm, liên quan đến đạo đức công vụ, trong đó có việc không được phân biệt đối xử vì lý do dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo dưới mọi hình thức.

Căn cứ Nghị định số 48/2009/NĐ-CP của Chính phủ và Chương trình hành động của Chính phủ giai đoạn đến năm 2020 thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị, với trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Quyết định số 299/QĐ-LĐTBXH, trong đó giao các đơn vị chức năng nghiên cứu xây dựng, trình ban hành các quy định về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho lao động nữ, hỗ trợ dạy nghề cho lao động nữ khu vực nông thôn; trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc tạo điều kiện vệ sinh an toàn lao động cho lao động nữ trong một số nghề, công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại; triển khai nghiên cứu và đề xuất việc ban hành chính sách khuyến khích các cơ quan, tổ chức hỗ trợ lao động nữ khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng mang theo con dưới 36 tháng tuổi, tạo điều kiện cho lao động nam nghỉ hưởng nguyên lương và phụ cấp khi vợ sinh con... Những nội dung này sẽ được lồng ghép trong quá trình xây dựng, sửa đổi và bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

Nghị định số 01/2009/NĐ-CP ngày 02 tháng 01 năm 2009 quy định tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với người đang làm công tác cơ yếu, Chính phủ quy định: thiết bị vệ sinh nhà ở tập thể và nhà làm việc công cộng được trang cấp theo quy mô quân số, đối với đơn vị cơ yếu có nữ thì phải bố trí cho nam, nữ riêng.

Ngày 30 tháng 6 năm 2009, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 56/2009/NĐ-CP về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tại Điều 5 của Nghị định này, Chính phủ đã quy định rõ việc ưu tiên chương trình trợ giúp của Nhà nước cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ và có sử dụng nhiều lao động nữ.

Nghị định số 60/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2009 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tư pháp, Chính phủ đã quy định: phạt tiền ở mức cao đối với các hành vi môi giới kết hôn bất hợp pháp, lợi dụng việc đăng ký kết hôn nhằm mục đích trục lợi, xâm phạm tình dục, bóc lột sức lao động.

Nghị định số 65/2009/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2009 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2003 quy định về tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với quân nhân tại ngũ đã có những quy định dành riêng cho nữ quân nhân.

Tại Nghị định số 66/2009/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2009 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2003/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, Chính phủ quy định: về chế độ mặc và đồ dùng sinh hoạt của học sinh thì học sinh nữ được cấp thêm mỗi tháng một khoản tiền tương đương với 3 kg gạo tẻ loại thường tính theo giá thị trường của từng địa phương để mua những đồ dùng cần thiết cho vệ sinh cá nhân; về chế độ khám bệnh, chữa bệnh cho học sinh và việc tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại trường giáo dưỡng, đối với phụ nữ có thai thì được miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

Tại Nghị định số 94/2009/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2009 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy về quản lý sau cai nghiện ma túy, Chính phủ đã quy định: không áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện đối với nữ trên 55 tuổi, nam trên 60 tuổi; đối với phụ nữ có thai thì được tạm đình chỉ thi hành quyết định cho đến khi con đủ ba mươi sáu tháng tuổi. Nếu trong thời gian tạm đình chỉ mà người đó có tiến bộ rõ rệt hoặc lập công được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú xác nhận thì được miễn chấp hành phần thời gian còn lại; phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con nhỏ dưới ba mươi sáu tháng tuổi nếu là người sau cai nghiện được hoãn thi hành quyết định; về giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại Trung tâm thì đối với phụ nữ có thai được tạm đình chỉ thi hành quyết định cho đến khi con đủ ba mươi sáu tháng tuổi. Trong thời gian tạm đình chỉ mà người đó có thành tích xuất sắc trong quá trình học tập, rèn luyện, lao động được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú xác nhận thì được miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

Để triển khai thực hiện Nghị định số 48/2009/NĐ-CP về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới, Bộ Nội vụ đã ban hành Quyết định số 1501/QĐ-BNV ngày 30 tháng 10 năm 2009 phê duyệt các đề án triển khai thực hiện chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó có 3 đề án gồm: Đề án Tỷ lệ nữ trong cơ cấu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân đáp ứng mục tiêu bình đẳng giới; Đề án Hướng dẫn tổ chức thực hiện quy định về quy hoạch tạo nguồn cán bộ nữ, quy định tỷ lệ nữ được bổ nhiệm vào các chức danh trong cơ quan nhà nước; Khảo sát, rà soát kiến nghị về tuổi bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức để đảm bảo bình đẳng giữa nam và nữ; lồng ghép kiến thức về giới và bình đẳng giới trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

Căn cứ vào Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch, đồng thời để triển khai thực hiện việc hướng dẫn lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đối với các cấp, các ngành, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng và ban hành Hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2011 - 2015, trong đó có mục riêng về “thực hiện bình đẳng giới, nâng cao vị thế của phụ nữ” với các chỉ tiêu cụ thể

(như tỷ lệ nữ đại biểu của các cơ quan dân cử, tỷ lệ hộ gia đình được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tên cả vợ và chồng...); hầu hết các chỉ tiêu về việc làm, giáo dục và y tế đã được phân theo giới tính (như tỷ lệ lao động nữ trong tổng số lao động có việc làm mới; tỷ lệ học sinh nam/nữ trong tổng số học sinh các cấp học; tỷ lệ phụ nữ mù chữ ở độ tuổi dưới 40; tỷ lệ tử vong bà mẹ...). Bên cạnh đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang tiến hành nghiên cứu về cơ sở lý luận và phương pháp lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào công tác lập kế hoạch, nhằm tạo tiền đề cho việc triển khai nhiệm vụ này trong những năm tiếp theo.

Trong quá trình xây dựng Quy chế thẩm định văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp đã đưa nội dung đánh giá việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới và các tiêu chí để đánh giá việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong các báo cáo thẩm định. Bộ Tư pháp cũng đã xây dựng tài liệu hướng dẫn lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong hoạt động trợ giúp pháp lý và tổ chức tập huấn hướng dẫn sử dụng tài liệu này cho cán bộ thực hiện hoạt động trợ giúp pháp lý.

Các Bộ, ngành và tỉnh, thành phố đã và đang thực hiện việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành để sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, ban hành mới theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới trong lĩnh vực quản lý của ngành, địa phương. Trong quá trình xây dựng chính sách, pháp luật chuyên ngành, các cơ quan chức năng đã và đang nghiên cứu lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào dự thảo văn bản, như: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã và đang nghiên cứu việc sửa đổi, bổ sung Bộ luật Lao động, trong đó những vấn đề quy định riêng đối với lao động nữ đang được xem xét để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với nguyên tắc bình đẳng giới; Bộ Tư pháp triển khai xây dựng dự án Luật phòng chống buôn bán người, trong đó có quy định bảo đảm quyền con người của phụ nữ và trẻ em; Bộ Y tế và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã đưa vào dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính về dân số và trẻ em các quy định xử phạt đối với hành vi lựa chọn giới tính thai nhi, phân biệt đối xử đối với phụ nữ mang thai, ép buộc phụ nữ sử dụng biện pháp tránh thai, phân biệt đối xử với trẻ em gái...; Bộ Giáo dục và Đào tạo đang nghiên cứu để trình ban hành chính sách hỗ trợ nhằm tăng nhanh tỷ lệ phụ nữ được đào tạo sau đại học; Bộ Nội vụ nghiên cứu xây dựng Nghị định quy định về tổ chức và chính sách đối với thanh niên xung phong; Ủy ban Dân tộc nghiên cứu để trình ban hành chính sách đặc thù hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Bộ Tài chính nghiên cứu để trình thành lập Quỹ giải thưởng tài năng nữ... Trong quá trình xây dựng các Chiến lược của ngành cho giai đoạn 2011 - 2020, các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2011 - 2015, các chương trình, đề án, các cơ quan đã và đang nghiên cứu để

đưa vào dự thảo các quy định để đảm bảo bình đẳng giới (như Chiến lược an sinh xã hội, Chiến lược đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức, Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam, Chương trình hành động quốc gia phòng chống bạo lực gia đình, Chiến lược dân số - sức khỏe sinh sản, Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em, Chương trình mục tiêu quốc gia dân số và kế hoạch hoá gia đình, Đề án phát triển các dịch vụ hỗ trợ gia đình và cải thiện môi trường sống, Đề án phát triển dịch vụ gia đình và cộng đồng ...). Đặc biệt, một số địa phương đã chỉ đạo việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào quá trình xây dựng và thực hiện các hương ước, quy ước ở cơ sở, góp phần tích cực xóa bỏ dần các phong tục, tập quán lạc hậu và tư tưởng trọng nam hơn nữ.

3. Xây dựng Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020 và Chương trình mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2015

Thực hiện nhiệm vụ quy định tại Luật Bình đẳng giới và Chương trình hành động của Chính phủ giai đoạn đến năm 2020 thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng đề trình ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020 và Chương trình mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2015. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng Chiến lược và Chương trình mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới với sự tham gia của đại diện nhiều Bộ, ngành hữu quan và một số nhà khoa học. Chiến lược và Chương trình mục tiêu quốc gia nêu trên sẽ tập trung vào việc xác định các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới của từng giai đoạn và các giải pháp chủ yếu giải quyết các vấn đề bất bình đẳng giới trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội.

4. Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật và tập huấn kiến thức, kỹ năng về bình đẳng giới

Hầu hết các Bộ, ngành và địa phương đều xác định trọng tâm công tác bình đẳng giới trong giai đoạn hiện nay là tập trung đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bình đẳng giới nhằm từng bước nâng cao nhận thức của các cấp lãnh đạo, cán bộ, công chức, người lao động và nhân dân về lĩnh vực này. Luật Bình đẳng giới và các văn bản hướng dẫn Luật đã được nhiều cơ quan, đơn vị in và phát hành rộng rãi.

Hình thức tuyên truyền được các Bộ, ngành, địa phương thực hiện phổ biến nhất là tổ chức lớp tập huấn, tọa đàm hoặc Hội nghị triển khai. Nhiều Bộ, ngành, địa phương đã có văn bản chỉ đạo, đôn đốc các Sở, ngành, cơ quan chức năng của địa phương tổ chức các lớp tập huấn, truyền thông về thực hiện các quy định của Luật Bình đẳng giới. Một số địa phương đã tổ

chức Chiến dịch truyền thông về bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực gia đình, Hội thi tìm hiểu về pháp luật bình đẳng giới, thu hút sự tham gia đông đảo của nhiều tầng lớp nhân dân. Nổi bật trong năm qua, tỉnh Long An đã có sáng kiến xây dựng mô hình “Nam giới điểm 10” nhằm động viên nam giới tham gia thực hiện tốt Luật Bình đẳng giới và Chiến lược quốc gia về dân số giai đoạn 2001 - 2010 tại cơ quan, đơn vị, địa phương và gia đình. Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ đã tham mưu với lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chọn ngày Gia đình Việt Nam hàng năm là ngày họp mặt “Nam giới điểm 10” để biểu dương, khen thưởng, động viên những nam giới điển hình trong thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm của người chồng, người cha trong gia đình. Việc làm này có ý nghĩa tích cực nhằm tuyên truyền thay đổi nhận thức của các tầng lớp nhân dân, góp phần thực hiện hiệu quả công tác bình đẳng giới trên địa bàn của tỉnh.

Các cơ quan thông tin đại chúng ở trung ương và địa phương đã mở nhiều chuyên mục tuyên truyền về bình đẳng giới, truyền tải những chủ trương, chính sách, pháp luật về lĩnh vực này tới mọi người dân một cách hiệu quả và thuận lợi nhất.

Với trách nhiệm là cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới và thường trực của Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam, năm 2009, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã chủ trì và phối hợp với các cơ quan chức năng tích cực triển khai tổ chức:

- Hội nghị toàn quốc sơ kết tình hình thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam giai đoạn 2006 - 2010.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bình đẳng giới thông qua các hoạt động như: Tổ chức 5 cuộc Tọa đàm “Các chị em của Nora” tại Hà Nội, Lào Cai, Thừa Thiên - Huế, Đắk Lắk và Tiền Giang với trên 600 lượt người tham gia. Đây là diễn đàn thảo luận về các quyền bình đẳng của phụ nữ trong gia đình và lao động - việc làm trên nền tảng vở kịch “Nhà búp bê” của tác giả kịch nổi tiếng người Na Uy. Đây là cách triển khai khá mới mẻ, tạo được sự tranh luận hấp dẫn, phù hợp trong việc nhìn nhận hiện trạng bất bình đẳng giới và đưa ra các giải pháp giải quyết phù hợp với mỗi vùng miền, địa phương. Đồng thời, các hoạt động như: cập nhật thông tin trên website của Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam; xuất bản và phát hành rộng rãi Bản tin Phụ nữ và Tiến bộ tới các Bộ, ngành, địa phương trong cả nước; in ấn và phát hành hàng vạn Tờ rơi tuyên truyền về pháp luật bình đẳng giới, về Chương trình hành động của Chính phủ giai đoạn đến năm 2020 thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị... đã đóng góp không nhỏ trong hoạt động tuyên truyền.

5. Đầu tư nguồn lực cho công tác bình đẳng giới

a) Về tổ chức bộ máy và cán bộ

Năm 2009, cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới đã tiến hành rà soát về tổ chức bộ máy và cán bộ làm công tác bình đẳng giới tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Theo đó, tính đến cuối năm 2009:

- Về tổ chức, ở cấp tỉnh, có 03 địa phương là thành phố Hồ Chí Minh, Sóc Trăng và Bình Dương đã thành lập phòng Bình đẳng giới thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; 04 địa phương là Phú Yên, Cần Thơ, Hải Phòng và Hà Nam thành lập phòng ghép lĩnh vực bình đẳng giới với lĩnh vực chuyên môn khác; các địa phương còn lại giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về Bình đẳng giới cho Văn phòng của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc phòng Lao động tiền lương, phòng Tổ chức - Cán bộ thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Về cán bộ, tại 63 Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có 98 cán bộ làm công tác bình đẳng giới; tính trung bình mỗi Sở có 1,5 cán bộ làm công tác này, song hầu hết vẫn là kiêm nhiệm. Riêng thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Bình đẳng giới thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội được giao chỉ tiêu biên chế là 7 cán bộ; ở cấp huyện, có chỉ tiêu 2 biên chế chuyên trách công tác bình đẳng giới; ở cấp xã, sẽ có ½ định biên chuyên trách công tác này.

Trong tổng số 98 cán bộ làm công tác bình đẳng giới nêu trên, có 57 nam (chiếm 58%) và 41 nữ; số cán bộ có độ tuổi dưới 30 chiếm 19,3%, phần lớn cán bộ phụ trách đều trong độ tuổi từ 30 - 50 (chiếm 57,1%), có 16 cán bộ trên 50 tuổi (chiếm 16,3%); về trình độ học vấn, đại đa số cán bộ có trình độ đại học (chiếm 95,9%), 4 cán bộ có trình độ trung cấp và cao đẳng; phần lớn các cán bộ đều có kinh nghiệm lâu năm trong ngành, có 53 cán bộ có từ 10 năm kinh nghiệm trở lên (chiếm 54%), 13 người có từ 5 đến 10 năm kinh nghiệm (chiếm 13,2%), 17 người có dưới 2 năm kinh nghiệm (chiếm 15%); tuy nhiên, hầu hết các cán bộ làm công tác bình đẳng giới đều chưa được đào tạo bài bản về kiến thức, kỹ năng công tác bình đẳng giới. Do vậy, trong năm qua, nhiều địa phương đã chú trọng triển khai tập huấn nghiệp vụ công tác bình đẳng giới cho lãnh đạo và chuyên viên Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, cán bộ theo dõi công tác bình đẳng giới tại các xã, phường. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam đã hỗ trợ, phối hợp với các địa phương tổ chức 10 lớp tập huấn kiến thức pháp luật về bình đẳng giới và kỹ năng công tác cho cho gần 1000 lượt cán bộ làm công tác bình đẳng giới và thành viên, thư ký Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các Bộ, ngành và các địa phương (trong đó đã có nhiều cán bộ cấp huyện tham gia) nhằm nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho cán

bộ làm công tác bình đẳng giới. Nội dung chủ yếu tại các lớp tập huấn này là triển khai các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bình đẳng giới, Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Công ước CEDAW và kỹ năng “Lồng ghép giới trong Lao động - Việc làm”.

Thực hiện Quyết định số 1855/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, kiện toàn Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ ở Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện, hầu hết các địa phương đã tiến hành kiện toàn Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ ở cấp tỉnh và cấp huyện. Theo đó, cơ quan thường trực Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ ở cấp tỉnh được giao cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và ở cấp huyện giao cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

Như vậy, mô hình tổ chức của hệ thống Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các địa phương đã từng bước được hoàn thiện, đảm bảo sự gắn kết giữa cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới với tổ chức phối hợp liên ngành vì sự tiến bộ của phụ nữ, tạo nên sức mạnh tổng hợp trong triển khai nhiệm vụ.

b) Về kinh phí

Năm 2009, do văn bản hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí cho hoạt động bình đẳng giới chưa được ban hành ngay từ đầu năm nên việc xây dựng dự toán cho hoạt động bình đẳng giới ở hầu hết các Bộ, ngành và địa phương còn có nhiều khó khăn. Tuy nhiên, qua báo cáo, một số địa phương bước đầu đã cấp kinh phí cho hoạt động bình đẳng giới, như: tỉnh Quảng Ninh và Thái Nguyên được cấp 100 triệu đồng, Bà Rịa - Vũng Tàu là 80 triệu đồng, Vĩnh Phúc là 50 triệu đồng...

Kinh phí được cấp chủ yếu tập trung cho triển khai công tác tuyên truyền và tập huấn nghiệp vụ bình đẳng giới. Hiện có nhiều đơn vị chưa được cấp kinh phí để triển khai thực hiện nhiệm vụ về bình đẳng giới.

6. Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

Năm 2009, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tổ chức các đoàn công tác nắm tình hình thực hiện Luật Bình đẳng giới tại một số địa phương như: Cần Thơ, Ninh Bình, Đắk Lắk, Hà Nam, Thái Nguyên, Nghệ An và Thành phố Hồ Chí Minh...

Đồng thời, với vai trò là cơ quan thường trực của Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cũng đã tích cực triển khai, đôn đốc và cử cán bộ tham gia các đoàn kiểm tra liên ngành của Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam tại 3 Bộ, ngành (Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đài Truyền hình Việt Nam, Trung ương Đoàn

Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh) và 6 địa phương (Bắc Ninh, Thái Nguyên, Đắk Lắk, Cần Thơ, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đà Nẵng). Hoạt động này đã tạo cơ hội trao đổi thông tin hai chiều thiết thực, giúp Bộ và các đơn vị được kiểm tra cùng chia sẻ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và những vấn đề cần được quan tâm giải quyết, khắc phục.

Qua báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương cho thấy, công tác thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện pháp luật về bình đẳng giới bước đầu đã được một số đơn vị lồng ghép với việc thanh tra, kiểm tra thực hiện pháp luật lao động tại các doanh nghiệp. Trong bối cảnh tổ chức bộ máy hoạt động bình đẳng giới còn mới và khó khăn về nguồn lực triển khai, Ban vì sự tiến bộ phụ nữ của các Bộ, ngành, địa phương đã tiếp tục phát huy vai trò trong việc tổ chức các đoàn kiểm tra liên ngành đối với các đơn vị cấp dưới về việc thực hiện Kế hoạch hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ, Luật Bình đẳng giới và Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị. Tuy nhiên, theo báo cáo của các đơn vị, địa phương mới chỉ phản ánh việc xử lý các vụ vi phạm về bạo lực gia đình, mà chưa có khiếu nại, tố cáo và xử lý pháp luật về bình đẳng giới.

7. Công tác thống kê, thông tin, báo cáo về bình đẳng giới.

Năm 2009 là năm đầu tiên thực hiện quy định của Luật Bình đẳng giới về chế độ báo cáo hàng năm trước Quốc hội về tình hình thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới. Chính phủ có Báo cáo số 63/BC-CP ngày 08 tháng 5 năm 2009 về thực hiện mục tiêu bình đẳng giới theo quy định của Luật Bình đẳng giới gửi các đại biểu Quốc hội tại kỳ họp thứ 5 Quốc hội khoá XII.

Tại Hội nghị Sơ kết giữa kỳ tình hình thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam giai đoạn 2006 - 2010, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các Bộ, ngành liên quan xây dựng và trình bày Báo cáo Sơ kết giữa kỳ giai đoạn 2006 - 2008. Báo cáo đã phản ánh khá toàn diện tình hình thực hiện cũng như các số liệu về bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam trên lĩnh vực lao động- việc làm, giáo dục - đào tạo, y tế, chính trị...

Năm 2009, lần đầu tiên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xuất bản Báo cáo "Xu hướng việc làm Việt Nam 2009" nhằm cung cấp thông tin, diễn biến của lực lượng lao động, xu hướng việc làm và thất nghiệp. Đặc biệt, báo cáo đã cung cấp các chỉ số chính về thị trường lao động của nước ta, với hầu hết các số liệu được phân tách giới và có sự so sánh trong giai đoạn 10 năm từ 1997 đến 2007. Đây là cơ sở dữ liệu quan trọng, hữu ích trong việc xây dựng các chính sách thị trường lao động có nhạy cảm giới trong các năm tới.

Để triển khai thực hiện Điều 12 của Nghị định số 70/2008/NĐ-CP ngày 4 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bình đẳng giới, Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang

triển khai nghiên cứu xây dựng đề trình ban hành bộ chỉ số phát triển giới của quốc gia, tiêu chí phân loại giới trong số liệu thống kê nhà nước và dự kiến hoàn thành vào quý IV năm 2010. Năm 2009, Tổng cục Thống kê cũng đã xây dựng Đề án đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 02 tháng 3 năm 2010. Theo đó, Hệ thống chỉ tiêu thống kê này được cập nhật, tăng từ 274 chỉ tiêu lên 353 chỉ tiêu, trong đó số chỉ tiêu riêng phản ánh phát triển phụ nữ được tăng thêm và các chỉ tiêu khác vẫn được phân bổ theo giới một cách tối đa. Ngoài ra, trong khuôn khổ Chương trình hợp tác chung giữa Liên hợp quốc và Chính phủ Việt Nam về bình đẳng giới, Tổng cục thống kê đang triển khai thực hiện lồng ghép các chỉ tiêu về giới trong các cuộc điều tra hiện có. Kết quả của hoạt động này sẽ là cơ sở quan trọng cho việc xây dựng bộ chỉ số phát triển giới quốc gia.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã triển khai dự án Phân tách giới trong hệ thống thống kê nông nghiệp và phát triển nông thôn, nhằm tạo điều kiện phục vụ công tác bình đẳng giới và công tác quản lý nhà nước của Bộ, của ngành.

Thực hiện sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, một số địa phương đã đưa kết quả hoạt động bình đẳng giới và tiến bộ của phụ nữ vào nội dung kiểm điểm, đánh giá công tác chỉ đạo hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Do đó, đã tạo cơ chế thuận lợi cho việc thực hiện, kiểm điểm tình hình triển khai thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới hàng năm, đồng thời nâng cao trách nhiệm của các ngành, các cấp trong lĩnh vực này.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI TRÊN CÁC LĨNH VỰC

Theo báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương, tình hình thực hiện bình đẳng giới trong các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội được phản ánh như sau:

1. Trong lĩnh vực chính trị

Sau 2 năm thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, công tác quy hoạch cán bộ nữ của các tỉnh, thành ủy bước đầu đã có chuyển biến tích cực. Việc phát hiện, giới thiệu nguồn cán bộ nữ đưa vào quy hoạch cấp ủy và các chức danh lãnh đạo các cấp cho nhiệm kỳ 2010 - 2015 (quy hoạch A1) đã được cấp ủy đảng các cấp quan tâm hơn. Tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tỷ lệ nữ được bổ sung vào quy hoạch A2 cao hơn quy hoạch A1. Tỷ lệ cán bộ nữ được đưa vào quy hoạch ở hầu hết các tỉnh, thành ủy đều cao hơn tỷ lệ nữ ở cấp ủy hiện tại. Tuy nhiên, 50% số tỉnh có tỷ lệ nữ cấp ủy trong quy hoạch vẫn dưới 15%.

Tỷ lệ cán bộ nữ được đào tạo, bồi dưỡng tăng lên ở các cấp, các ngành, đạt tỷ lệ 30% trở lên. Theo đánh giá của một số cấp ủy, tỷ lệ cán bộ nữ được đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ ngày càng tăng, trình độ, năng lực được nâng lên rõ rệt, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong công tác. Hầu hết các tỉnh, thành phố đã có chính sách hỗ trợ bằng tiền đối với cán bộ nữ tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cao hơn so với nam giới. Tuy nhiên, ở các Bộ, ngành lại chưa có chính sách hỗ trợ riêng khuyến khích cán bộ nữ tham gia đào tạo, bồi dưỡng.

Năm 2009, đã có 01 đồng chí nữ ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng được bầu bổ sung vào Ban Bí thư TW Đảng và bổ nhiệm 01 nữ Thứ trưởng tại Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Trong lĩnh vực kinh tế và lao động

Từ cuối năm 2008 và những tháng đầu năm 2009, cuộc khủng hoảng tài chính, suy thoái toàn cầu đã tác động tiêu cực đến tình hình kinh tế nước ta và làm ảnh hưởng lớn tới khả năng tạo việc làm. Tuy nhiên, Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, ngành tổ chức triển khai thực hiện nhiều chính sách và giải pháp hỗ trợ người lao động bị mất việc làm, tạo điều kiện để doanh nghiệp duy trì và đầu tư mở rộng, phát triển sản xuất kinh doanh, bảo đảm và tạo thêm nhiều việc làm mới cho người lao động. Kết quả, trong năm 2009, đã tạo thêm việc làm mới cho 1.510 ngàn người - đạt 88,8% kế hoạch đề ra, trong đó lao động nữ đạt gần 48%; xuất khẩu lao động 73.028 người, trong đó lao động nữ là 22.020 người (chiếm 30,2%).

Theo kết quả cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, tỷ lệ tham gia lực lượng lao động đạt 82,2%, trong đó nữ chiếm 78,2% so với nam là 86%. Tỷ trọng lao động nữ chiếm 46,6%, trong đó tham gia trong ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản là 53,7%; trong ngành công nghiệp và xây dựng là 17,6% và chiếm 28,6% trong ngành dịch vụ.

Tại thời điểm điều tra, cả nước có 1,3 triệu lao động trong độ tuổi bị thất nghiệp, tỷ lệ thất nghiệp là 2,9% (cao hơn mức 2,38% năm 2008), trong đó tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị của nữ là 4,23% và nam là 4,86%; tỷ lệ thất nghiệp ở nông thôn của nữ là 2,18% so với nam là 2,33%.

3. Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ

Cũng theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 cho thấy, tỷ lệ số dân từ 15 tuổi trở lên biết đọc, biết viết tăng liên tục qua 3 cuộc Tổng điều tra, (năm 1989 là 88%, năm 1999 là 90%, và năm 2009 là 93,5% - trong đó nữ là 91,4% so với nam là 95,8%). Phân bổ tỷ lệ biết chữ theo nhóm tuổi cho thấy, tình hình giáo dục của nước ta đã được cải thiện một cách đáng kể qua từng giai đoạn. Tỷ lệ biết chữ của nhóm 50 tuổi trở lên là 87,2%. Tỷ lệ biết chữ của nhóm trẻ hơn được tăng dần cho đến mức cao nhất là 98% ở

nhóm tuổi từ 15 - 17 tuổi đối với cả nam và nữ. Sự chênh lệch về tỷ lệ biết chữ ở nông thôn và thành thị là không đáng kể (97% ở thành thị và 92% ở nông thôn). Hà Nội là thành phố có tỷ lệ biết chữ cao nhất (97,6%), thấp nhất là Lai Châu (57,4%).

Năm 2009, trong số hơn 130 thủ khoa tốt nghiệp tại các trường đại học trên địa bàn Hà Nội, có 60% thủ khoa là nữ. Trong kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực về các môn học, đã có 6 học sinh nữ trong tổng số 30 học sinh đạt giải cao (chiếm 20%). Hàng năm, thông qua Đề án đào tạo cán bộ khoa học, kỹ thuật ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhiều nữ sinh đã được cử đi học; riêng năm 2009, đã có 68 sinh viên nữ trong tổng số 161 sinh viên (chiếm 42,2%) được xét tuyển đi học ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước. Ngày 29/12/2009, đã có 153 sinh viên nữ trong 247 gương mặt sinh viên tiêu biểu được vinh danh nhận Giải thưởng Sao Tháng giêng dành cho các cán bộ Đoàn, Hội xuất sắc của Trung ương Hội sinh viên Việt Nam và Báo Sinh viên Việt Nam. Đây là những kết quả đáng ghi nhận về sự nỗ lực học tập, phấn đấu của nữ học sinh, sinh viên.

Theo số liệu thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố ngày 20 tháng 11 năm 2009, hiện có 7/65 nữ nhà giáo là giáo sư (chiếm 10,76%) và có 133/641 nữ nhà giáo là phó giáo sư (chiếm 20,74%).

Trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, lực lượng nữ chiếm tỷ lệ là 42,2%. Nhiều nữ trí thức đã được Đảng và Nhà nước trao những giải thưởng cao quý, nhiều nhà khoa học nữ được Nhà nước tôn vinh anh hùng lao động, cấp bằng lao động sáng tạo và nhận được nhiều giải thưởng trong và ngoài nước.

Giải thưởng Kovalevskaia được trao hàng năm là một minh chứng cho việc tôn vinh nữ trí thức Việt Nam. Trong 25 năm qua, 15 tập thể và 34 cá nhân các nhà khoa học nữ xuất sắc, tiêu biểu nhất trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên và ứng dụng đã được Ủy ban giải thưởng Kovalevskaia xét chọn và trao giải. Các chị là các nhà hoá học, vật lý học, sinh học, nông nghiệp, bác sĩ, kỹ sư, các nhà giáo là các nhà nghiên cứu đã có nhiều công trình khoa học, cũng như những thành tựu ứng dụng, đem lại nhiều lợi ích cho xã hội và đất nước.

Trong hoạt động nghiên cứu khoa học, phụ nữ cũng có những đóng góp đáng được ghi nhận. Chỉ tính riêng trong 3 năm (từ 2007 - 2009), các nhà khoa học nữ đã chủ trì thành công 42 đề tài thuộc các chương trình khoa học công nghệ cấp nhà nước, 25 đề tài độc lập cấp nhà nước và 18 đề tài, dự án hợp tác quốc tế theo nghị định thư. Theo số liệu của Bộ Khoa học và Công nghệ, từ năm 2000 - 2010, trong số các đề tài, dự án sản xuất thử nghiệm cấp nhà nước, tỷ lệ phụ nữ chủ trì chiếm khoảng 20%.

Thành quả nghiên cứu khoa học của các chị khá đa dạng và đã được ứng dụng vào thực tiễn trong nhiều ngành khác nhau, đem lại hiệu quả thiết thực. Điều đáng lưu ý là những thành tựu ứng dụng không phải là ngẫu nhiên, mà hầu hết đều là kết quả của quá trình nghiên cứu cơ bản có định hướng trong nhiều năm. Những đề tài nghiên cứu của các chị dù là nghiên cứu cơ bản hay ứng dụng, phần lớn đều tiếp cận các vấn đề, các hướng nghiên cứu khoa học hiện đại mà cộng đồng khoa học thế giới đang quan tâm.

4. Trong lĩnh vực thông tin, thể dục, thể thao

Năm 2009, Bộ Thông tin và Truyền thông đã tổ chức Hội nghị Công nghệ thông tin thế giới WITFOR, trong đó đã dành một phiên họp bàn về những vấn đề giới trong công nghệ thông tin. Những khó khăn và trở ngại của phụ nữ khi tiếp cận công nghệ thông tin cũng như khi đề xuất chính sách và phương hướng giải quyết để tạo điều kiện cho phụ nữ tiếp cận thông tin là những nội dung quan trọng của Hội nghị. Tỷ lệ lao động nữ trong các công ty chuyên về lĩnh vực truyền thông ngày càng gia tăng với năng lực, trình độ ngày càng cao. Theo số liệu thống kê của Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam, tỷ lệ lao động nữ chiếm 42% tổng số lao động cùng lĩnh vực, trong đó, nữ có trình độ chuyên môn từ đại học, cao đẳng trở lên đạt 38,3%. Điều đáng quan tâm là do sự chênh lệch điều kiện sống dẫn đến tỷ lệ phụ nữ ở thành thị được tiếp cận với các phương tiện thông tin đại chúng cao hơn phụ nữ ở nông thôn (38,3% phụ nữ thành thị được tiếp cận 3 loại hình cơ bản của truyền thông (tivi, đài, báo in) nhưng tỷ lệ này ở phụ nữ nông thôn chỉ có 15,5%).

Trong lĩnh vực thể dục, thể thao, các vận động viên nữ và nam đã có nhiều cống hiến và đóng góp vào thành tích chung của nền thể thao Việt Nam. Năm 2009, tại SEAGAME 25, có 98 vận động viên nữ đạt huy chương trong tổng số 215 huy chương của Đoàn thể thao Việt Nam - chiếm 45,5% (gồm 36/83 huy chương vàng, 36/75 huy chương bạc và 26/57 huy chương đồng), trong đó nổi bật là thành tích của đội tuyển bóng đá nữ Việt Nam đã giành được huy chương vàng tại giải thi đấu. Tại Đại hội Thể thao trong nhà ASEAN Indoor Game lần thứ 3 (AIG 3), Đoàn Việt Nam đứng vị trí thứ 2/42 quốc gia và vùng lãnh thổ tham dự Đại hội với 42 huy chương vàng, 30 huy chương bạc và 22 huy chương đồng. Hầu hết các môn thi đấu tại AIG 3 đều có sự góp mặt của các vận động viên nữ. Trong tổng số 8 vận động viên của Việt Nam được ghi nhận phá kỷ lục tại SEAGAME 25 và AIG 3 có sự góp mặt của 2 nữ vận động viên do những thành tích xuất sắc mà các chị đã đạt được.

5. Trong lĩnh vực y tế

Năm 2009, các số liệu về chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ đã có nhiều tiến bộ, cụ thể là: Số con trung bình của một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ giảm xuống còn 2,03 con (ngày 01 tháng 4 năm 2009); tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai từ 3 lần trở lên đạt trên 85%; tỷ lệ khám sau sinh đạt khoảng 90%; tỷ lệ

người đẻ được cán bộ y tế chăm sóc đạt khoảng 95%; chỉ số phát triển con người (HDI) tăng từ 0,690 điểm năm 2000 lên 0,725 điểm năm 2009 (xếp thứ 116/182 quốc gia).

Theo báo cáo không đầy đủ của các Sở Y tế, tỷ lệ phụ nữ được tiếp cận dịch vụ y tế tăng dần từ 83,5% năm 2005; 85,3% năm 2006; 86,5% năm 2007 và 6 tháng đầu năm 2008 chỉ tiêu này đạt 85,3%.

Công tác truyền thông và bước đầu mở rộng các hình thức dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản cho nam giới đã được quan tâm. Chuyên mục “giờ dành cho đàn ông” tiếp tục thu hút được sự quan tâm của cả hai giới.

6. Trong lĩnh vực gia đình

Hiện nay, các Bộ, ngành và địa phương đã và đang tích cực triển khai các quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình. Trong khuôn khổ dự án “Tăng cường năng lực của ngành hành pháp và tư pháp nhằm phòng, chống và xử lý bạo lực gia đình ở Việt Nam” do Văn phòng Ma túy và Tội phạm của Liên hợp quốc (UNODC) tài trợ, Bộ Tư pháp và Bộ Công an đã tổ chức tập huấn giảng viên nguồn cho 30 cán bộ của hai cơ quan này về giới, bạo lực trên cơ sở giới và phương pháp làm việc với nạn nhân của bạo lực gia đình. Kết quả mong đợi của dự án là điều chỉnh và lồng ghép nội dung này vào giáo trình của Học viện Cảnh sát và Cao đẳng Tòa án.

Hiện nay, cả nước có 10 nhà tạm lánh, trong đó có 2 nhà dành cho nạn nhân của bạo lực gia đình và con cái của họ (tại Hà Nội và Huế), số còn lại là dành cho phụ nữ và trẻ em gái là nạn nhân bị buôn bán trở về (tại Hà Nội, Lào Cai, Lạng Sơn, Quảng Ninh, An Giang, Cần Thơ và Tp. Hồ Chí Minh). Các nhà tạm lánh là nơi giúp cho phụ nữ và trẻ em gái có thể tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, tư vấn, giáo dục, dạy nghề và một số kỹ năng sống cần thiết. Từ tháng 3/2007 đến nay, nhà tạm lánh của Trung tâm Phụ nữ và Phát triển thuộc Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam đã cung cấp chỗ ở cho 149 nạn nhân bạo lực gia đình và 41 chị bị buôn bán trở về.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt được

Năm 2009, về cơ bản, các nhiệm vụ công tác bình đẳng giới đã được tổ chức triển khai thực hiện và đạt được một số kết quả quan trọng:

- Chính phủ đã ban hành các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Bình đẳng giới và Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; các Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các luật khác, trong đó có quy định liên quan tới bình đẳng giới; chỉ đạo các cơ quan chức năng nghiên cứu, đưa nội dung bình đẳng giới vào quá trình xây dựng các Chiến lược giai đoạn 2011 - 2020,

Chương trình, Đề án giai đoạn 2011 - 2015. Nhiều Bộ, ngành địa phương đã xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền và các văn bản có liên quan nhằm triển khai thực hiện Luật Bình đẳng giới. Một số địa phương bước đầu đã quan tâm đến việc thực hiện các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới như: bổ nhiệm nữ vào các chức danh trong các cơ quan nhà nước và các tổ chức đảng, đoàn thể; tạo điều kiện để cán bộ, công chức và lao động nữ tham gia học tập, bồi dưỡng; thu hút sinh viên tốt nghiệp loại giỏi vào làm việc tại các cơ quan của địa phương...

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bình đẳng giới được tổ chức rộng khắp với nhiều hình thức mới, đặc biệt là đã quan tâm triển khai tới các đối tượng ở cấp cơ sở thay vì chỉ tập trung ở cấp Bộ, ngành Trung ương như trước đây.

- Bộ máy tổ chức và cán bộ làm công tác bình đẳng giới, tổ chức phối hợp liên ngành vì sự tiến bộ phụ nữ từ trung ương đến cơ sở đã tiếp tục được kiện toàn.

- Các hoạt động nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế về bình đẳng giới được đẩy mạnh và đã có những đóng góp tích cực trong thành tựu về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam; đồng thời các thành tựu về bình đẳng giới cũng đã góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

2. Hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

a) Bên cạnh những nỗ lực triển khai hoạt động bình đẳng giới của các cấp, các ngành và bước đầu đã đạt được những thành quả đáng ghi nhận nêu trên, song thực tế vẫn còn khá nhiều hạn chế, tồn tại sau:

- Định kiến giới còn tồn tại khá phổ biến trong nhân dân, đặc biệt trong một bộ phận cán bộ, công chức. Tư tưởng coi nam giới là “trụ cột” còn phụ nữ luôn gắn với vai trò nội trợ, chăm sóc gia đình đã gây ra cách nhìn lệch lạc về vai trò của mỗi giới, dẫn đến thiếu sự chia sẻ trách nhiệm giữa nam giới và phụ nữ trong công việc gia đình và tham gia các hoạt động xã hội.

- Trong triển khai công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ, có nơi chưa hiểu rõ yêu cầu nhiệm vụ, do đó, sự phối hợp đôi khi còn lúng túng, chưa hiệu quả. Một số Bộ, ngành, địa phương còn chưa thực sự quan tâm đến công tác bình đẳng giới, nên chưa bố trí nguồn lực cho hoạt động này, chưa chủ động triển khai nhiệm vụ theo quy định của Luật và các Nghị định, Nghị quyết của Chính phủ mà vẫn còn tư tưởng ỉ lại, đùn đẩy, trông chờ vào hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới.

- Công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật để tiến hành sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hoặc ban hành văn bản mới nhằm đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới chưa thực sự được các cơ quan chức năng quan tâm.

- Cá biệt có văn bản quy phạm pháp luật mới được xây dựng, ban hành còn chưa tuân thủ quy trình lồng ghép giới. Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản pháp luật chưa thực hiện việc rà soát, đánh giá vấn đề giới ở góc độ của luật chuyên ngành cũng như chưa phân tích, dự báo được tác động của văn bản đối với nam và nữ trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Cơ quan thẩm định văn bản quy phạm pháp luật cũng còn chưa thực hiện nghiêm đối với những dự thảo văn bản chưa đảm bảo quy trình lồng ghép giới theo quy định của Luật Bình đẳng giới và Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Còn khoảng cách giữa các quy định của pháp luật và việc thực thi trên thực tế, làm hạn chế khả năng thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới.

- Bộ máy tổ chức và đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới mới được hình thành nên còn rất thiếu về số lượng và hạn chế kiến thức chuyên môn về giới, kỹ năng lồng ghép giới để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao, nhất là ở địa phương, cơ sở.

- Công tác thống kê số liệu có tách biệt giới chưa được thực hiện một cách đầy đủ, đặc biệt là rất thiếu số liệu tách biệt giới trong các lĩnh vực khoa học - công nghệ, văn hóa, gia đình, thể thao, gây nhiều trở ngại cho việc nghiên cứu, hoạch định, xây dựng và thực thi chính sách pháp luật bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới.

- Bất bình đẳng giới vẫn còn tồn tại ở một số lĩnh vực:

+ Trong lĩnh vực chính trị: Hiện nay, ở hầu hết các chức danh lãnh đạo, tỷ lệ nữ hiện nay đều giảm so với nhiệm kỳ 1999 - 2004. Công tác quy hoạch cán bộ còn chưa được quan tâm đúng mức, dẫn đến thiếu cán bộ nữ kế cận cho nhiều vị trí lãnh đạo, quản lý. Việc cơ cấu tỷ lệ phụ nữ trong các kỳ bầu cử có lúc, có nơi còn hình thức, chiếu lệ và chưa thực chất. Nếu không kịp thời có những giải pháp quyết liệt thì những tồn tại này vẫn tiếp tục duy trì trong giai đoạn tới.

+ Trong lĩnh vực lao động: tác động của khủng hoảng kinh tế đã làm cho nhiều người lao động bị mất việc làm. Năm 2009, cả nước có 133.262 người lao động bị mất việc làm, trong đó lao động nữ chiếm 18% (hầu hết là nữ công nhân trong các ngành giày da, may mặc, chế biến hải sản). Tại khu vực

nông thôn, số người lao động mất việc làm ở khu vực làng nghề là 40.348 lao động, trong đó lao động nữ chiếm 41,2%. Bên cạnh đó, với sự chuyển đổi kinh tế hiện nay đã dẫn đến tình trạng lao động nữ di cư ra các thành phố lớn làm việc và gặp nhiều khó khăn do thiếu các dịch vụ hỗ trợ.

+ Trong lĩnh vực giáo dục: tình trạng bất bình đẳng không chỉ xảy ra giữa nam và nữ mà còn xảy ra ngay đối với phụ nữ ở khu vực thành thị và nông thôn. Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở 2009 cho thấy, tỷ lệ dân số nữ 15 tuổi trở lên biết đọc, biết viết đạt 96% ở khu vực thành thị và 89,3% ở khu vực nông thôn; tỷ trọng dân số nữ chưa học xong tiểu học ở nông thôn cao hơn so với nam ở cùng khu vực và so với nữ ở thành thị (19,7% so với 14,3% và 10,8%); tỷ trọng dân số nữ có bằng đại học trở lên ở thành thị là 9,1% so với 1,2% ở nông thôn.

+ Trong lĩnh vực y tế: Tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai/100 bé gái sinh ra) liên tục tăng từ mức bình thường là 104 - 106/100 vào năm 2000 lên khoảng 112/100 năm 2008 và 111/100 năm 2009 sẽ dẫn đến mất cân bằng về cơ cấu giới tính trong dân số và hệ quả xã hội kèm theo.

+ Trong lĩnh vực gia đình: Tình trạng bạo lực trên cơ sở giới mà đối tượng chịu tác động chính là phụ nữ. Theo kết quả điều tra gia đình Việt Nam công bố năm 2008, tình trạng bạo lực xảy ra với khoảng 20% cặp vợ chồng. Nạn nhân chủ yếu là phụ nữ và trẻ em. Tình trạng phụ nữ Việt Nam kết hôn với người nước ngoài chưa có chiều hướng giảm ở một số địa phương và vấn đề nổi cộm là việc một số đối tượng lợi dụng hôn nhân với người nước ngoài để buôn bán trục lợi, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của người phụ nữ Việt Nam.

+ Theo thống kê của Ban Chỉ đạo 130/CP (Ban Chỉ đạo phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ và trẻ em), chỉ trong sáu tháng đầu năm 2009, cả nước đã xảy ra 191 vụ buôn bán phụ nữ, trẻ em. Báo cáo của Bộ Công an năm 2009 cho biết, tỷ lệ phụ nữ và trẻ em gái bị buôn bán được phát hiện, chữa trị và dạy nghề đạt 50%.

b) Nguyên nhân của tồn tại:

- Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bình đẳng giới vẫn chưa được triển khai đồng bộ và hiệu quả. Nhận thức về bình đẳng giới và công tác bình đẳng giới vẫn còn nhiều bất cập nên việc triển khai thực hiện nhiều nơi chưa bài bản, chưa thực chất.

- Việc xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể về bình đẳng giới còn lúng túng và ban hành các văn bản hướng dẫn kinh phí cho hoạt động bình đẳng giới chậm, dẫn đến khó khăn trong việc lập dự toán và bố trí kinh phí cho các hoạt động này của các Bộ, ngành, địa phương.

- Trong chỉ đạo, điều hành, một số tỉnh, thành phố còn chưa thực sự quan tâm đến công tác này nên chưa bố trí cán bộ và tạo điều kiện cho hoạt động bình đẳng giới và tiến bộ của phụ nữ.

- Trong triển khai công tác bình đẳng giới, nhiều nơi chưa thực sự hiểu rõ yêu cầu nhiệm vụ cũng như thiếu kiến thức, kỹ năng nên sự phối hợp chưa nhịp nhàng, chưa hiệu quả.

- Việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vẫn chưa được thực hiện một cách thực chất và đúng quy định, nhất là trong quá trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật.

Phần 2

PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP NĂM 2010 VÀ KIẾN NGHỊ

Năm 2010, theo dự báo vẫn còn nhiều khó khăn thách thức. Để triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Bình đẳng giới và Chương trình hành động của Chính phủ giai đoạn đến năm 2020 thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2010 với mức cao hơn, lấy lại đà tăng trưởng nhanh và bền vững trong những năm tiếp theo, nhiệm vụ công tác bình đẳng giới năm 2010 của Chính phủ sẽ tập trung chỉ đạo thực hiện một số nội dung sau:

I. PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP

1. Tiếp tục xây dựng, ban hành và thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, dự án về bình đẳng giới và liên quan đến bình đẳng giới

- Tổ chức tổng kết Chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam đến năm 2010, tìm ra những bài học thành công, những tồn tại, khó khăn và nguyên nhân trong thực hiện Chiến lược trong 10 năm qua. Trên cơ sở đó, xây dựng và ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020.

- Xây dựng và ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2015 với mục tiêu tổng quát là tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, phân đấu thu hẹp rõ rệt khoảng cách giới, nâng vị thế của phụ nữ trong một số lĩnh vực, địa bàn trọng điểm có sự bất bình đẳng hoặc có nguy cơ bất bình đẳng giới cao, tạo đà cho việc thực hiện thành công

các mục tiêu của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới vào năm 2020. Đảm bảo nguồn lực để các Bộ, ngành, địa phương xây dựng và thực hiện các chính sách, chương trình đáp ứng yêu cầu về bình đẳng giới.

- Triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ đã được quy định tại các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Bình đẳng giới, Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Phòng, chống bạo lực gia đình và Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 01 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ giai đoạn đến năm 2020 thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27 tháng 4 năm 2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Tăng cường thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung pháp luật có liên quan đảm bảo phù hợp mục tiêu bình đẳng giới; thực hiện lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về bình đẳng giới vào quá trình xây dựng và thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các cấp, các ngành.

- Xây dựng và ban hành các Chiến lược, Chương trình hành động, Đề án đảm bảo bình đẳng giới, gồm: Chiến lược an sinh xã hội, Chiến lược đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức, Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam, Chương trình hành động quốc gia phòng chống bạo lực gia đình, Chiến lược dân số - sức khỏe sinh sản, Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em, Chương trình mục tiêu quốc gia dân số và kế hoạch hoá gia đình, Đề án phát triển các dịch vụ hỗ trợ gia đình và cải thiện môi trường sống, Đề án phát triển dịch vụ gia đình và cộng đồng.

- Xây dựng và ban hành bộ chỉ số phát triển giới của quốc gia, tiêu chí phân loại giới trong số liệu thống kê nhà nước.

2. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bình đẳng giới

- Tuyên truyền, phổ biến Luật Bình đẳng giới và các văn bản hướng dẫn thi hành một cách thiết thực, phù hợp với từng ngành, từng địa phương, nhóm đối tượng.

- Xây dựng và triển khai Đề án truyền thông về bình đẳng giới cho từng giai đoạn.

3. Hoàn thiện tổ chức bộ máy làm công tác quản lý nhà nước về bình đẳng giới và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới từ trung ương đến địa phương

- Kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy và cán bộ làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 10/TTLT-BLĐTĐ-BNV ngày 10 tháng 7 năm 2008 và Quyết định số 1855/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Chỉ thị số 27/2004/CT-TTg ngày 15 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và nghiên cứu, đề xuất công tác kiện toàn tổ chức và cán bộ làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ ở các Bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án đào tạo cán bộ làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

4. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình triển khai pháp luật về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện pháp luật bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các Bộ, ngành, địa phương.

- Tổ chức triển khai thực hiện các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Bình đẳng giới, trong đó có Nghị định số 48/2009/NĐ-CP, Nghị định số 55/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về bình đẳng giới và Nghị định 110/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về phòng, chống bạo lực gia đình.

5. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế về bình đẳng giới

- Nghiên cứu, xây dựng mô hình thí điểm triển khai thực hiện bình đẳng giới và sự phát triển của phụ nữ ở một số địa phương để tiến hành nhân rộng vào năm 2011.

- Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu, tiêu chí, hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá về bình đẳng giới.

- Nghiên cứu, thí điểm việc hỗ trợ bồi dưỡng kỹ năng cho các cán bộ nữ tiềm năng tham gia ứng cử Hội đồng nhân dân các cấp và Quốc hội nhiệm kỳ 2011 - 2015.

- Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế nhằm học tập, chia sẻ kinh nghiệm về thực hiện bình đẳng giới và vận động nguồn lực hỗ trợ thực hiện các chính sách, pháp luật về bình đẳng giới; Triển khai thực hiện tốt Chương trình chung về bình đẳng giới giữa Chính phủ Việt Nam và các tổ chức của Liên hợp quốc.

II. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VỚI QUỐC HỘI

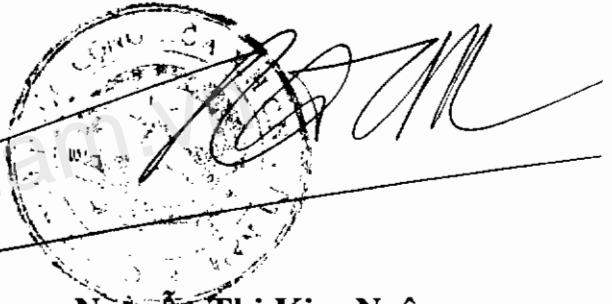
1. Tăng cường công tác thẩm tra lồng ghép vấn đề bình đẳng giới đối với các dự án luật, dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Bình đẳng giới và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Trong khi phê duyệt dự toán và phân bổ ngân sách hàng năm, bảo đảm đủ ngân sách cho việc thực hiện nhiệm vụ bình đẳng giới, trong đó có Chương trình mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2015 sau khi được phê duyệt./

**TM. CHÍNH PHỦ
TU. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG
BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế, Nội vụ, Tư pháp, Giáo dục và Đào tạo, Ngoại giao, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- UB về các Vấn đề xã hội của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- VPCP: BTCN, các PCN: Nguyễn Hữu Vũ, Kiều Đình Thu, các Vụ: TH, PL, TCCV, TKBT, Công TTĐT;
- Lưu: Văn thư, KGVX (5b).q.


Nguyễn Thị Kim Ngân

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ NỘP BÁO CÁO
VIỆC THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI
(Đến ngày 10 tháng 4 năm 2010)

I. Bộ, ngành:

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2. Bộ Công thương
3. Bộ Nội vụ
4. Bộ Y tế
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo
6. Bộ Khoa học và Công nghệ
7. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
8. Bộ Thông tin và Truyền thông
9. Bộ Tài chính
10. Bộ Tư pháp
11. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
12. Bộ Tài nguyên và Môi trường
13. Bộ Ngoại giao
14. Bộ Công an
15. Bộ Công thương
16. Bộ Xây dựng
17. Bộ Giao thông vận tải

II. Tỉnh, thành phố:

1. Bạc Liêu
2. Bắc Kạn
3. Bắc Ninh
4. Bến Tre
5. Bình Dương
6. Bình Định
7. Cà Mau
8. Đà Nẵng
9. Gia Lai
10. Hà Nam
11. Hậu Giang
12. Đắk Nông
13. Khánh Hòa
14. Kon Tum
15. Lai Châu
16. Lạng Sơn
17. Nam Định
18. Ninh Bình

19. Phú Thọ
20. Quảng Bình
21. Quảng Nam
22. Quảng Ngãi
23. Quảng Ninh
24. Quảng Trị
25. Sóc Trăng
26. Sơn La
27. Thanh Hóa
28. Thái Bình
29. Thái Nguyên
30. Tiền Giang
31. Trà Vinh
32. Tuyên Quang
33. Tây Ninh
34. Vĩnh Phúc
35. Yên Bái
36. Thành phố Hồ Chí Minh

www.LuatVietnam.vn